Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 32

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BẰNG LUÂN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70B	Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc (Ca Đình cũ)	Hết địa giới hành chính xã Bằng Luân	3.300	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
2	Đường Quốc lộ 70	Hết địa giới hành chính xã Bằng Luân (Quế Lâm cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
3		Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc (Quế Lâm cũ)	Đường rẽ đi Đồng Đam (nhà ông Kiên Vi)	3.000	1.700	1.200	1.840	1.000	700	1.400	800	600
4		Đường rẽ đi đồng đam (nhà ông Kiên Vi)	Trụ sở Công an xã Bằng Luân (Km17)	3.000	1.700	1.200	1.400	700	500	1.020	600	400
5		Trụ sở Công an xã Bằng Luân (Km17)	Đường rẽ đi khu 1 xã Bằng Luân	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
6		Đường rẽ đi khu 1 xã Bằng Luân	Lối rẽ ĐT 319C	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
7		Lối rẽ ĐT 319C	Giáp địa giới hành chính xã Đan Thượng	3.500	1.900	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
8	Đường tỉnh 319	Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc	Hết nhà ông Phương Hằng	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
9		Hết nhà ông Phương Hằng	Cầu Quê	3.900	2.100	1.600	1.600	900	600	1.200	600	500
10		Cầu Quê	Cây đa Phúc Lai (nghĩa trang khu 1)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
11		Cây đa Phúc Lai (nghĩa trang khu 1)	Cống Cây Đa	3.900	2.100	1.600	1.600	900	600	1.200	600	500
12		Cống Cây Đa	Nhà ông Phúc	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
13		Nhà ông Phúc	Nhà văn hóa khu 1 Minh Lương cũ	1.500	800	600	600	300	200	500	200	100
14		Nhà văn hóa khu 1 Minh Lương cũ	Cống Ba Cửa (nhà ông Liêm)	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
15		Cống Ba Cửa (nhà ông Liêm)	Đường rẽ khu 6 Minh Lương cũ (nhà ông Hồng)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường tỉnh 319	Đường rẽ khu 6 Minh Lương cũ (nhà ông Hồng)	Tiếp giáp với QL 70	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
17	Đường tỉnh 319B	Tỉnh lộ 319 (ngã ba Bằng Doãn cũ)	Ngã ba đường rẽ (nhà bà Cúc Thuận)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
18		Ngã ba đường rẽ (nhà bà Cúc Thuận)	Đường rẽ đi Tây Cốc	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
19		Đường rẽ đi Tây Cốc	Đường rẽ đi khu 8	1.500	800	600	600	300	200	500	200	100
20		Đường rẽ đi khu 8	Tiếp giáp với QL 70 (nhà ông Sinh Định)	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
21	Đường tỉnh 319C	Tỉnh lộ 319 nhà ông Vĩnh Thiện	Ngã 3 cổng nhà ông Duy	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
22		Ngã 3 cổng nhà ông Duy	Tiếp giáp Quốc lộ 70	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
23	Đường trục xã	Tỉnh lộ 319 (quán ông Hồng)	Tỉnh lộ 319 C (quán ông Ba)	1.500	800	600	600	300	200	500	200	100
24		Tỉnh lộ 319 (nhà ông Bi)	Tỉnh lộ 319C (đầm Quan Tán)	1.600	900	600	600	400	300	500	300	200
25		Tỉnh lộ 319 (Ngã ba chợ Minh Lương)	Giáp địa giới hành chính xã Đan Thượng	2.800	1.500	1.100	1.100	600	400	800	500	300
26		Tỉnh lộ 319 (Nhà văn hóa khu 1 Minh Lương)	Nối với đường 6.2 (cống ông Trị)	1.400	800	600	600	300	200	400	200	100
27		Tỉnh lộ 319 (Nhà ông Hiệp Lan)	Giáp địa giới hành chính xã Hạ Hòa (xã Gia Điền cũ)	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
28		Tỉnh lộ 319 (Nhà ông Hồng)	Giáp địa giới hành chính xã Hạ Hòa (xã Gia Điền cũ)	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
29		Tỉnh lộ 319B (nhà bà Cúc)	Tỉnh lộ 319C (Nhà ông Duy)	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
30		Ngã ba đường rẽ vào khu 1 xã Bằng Luân	Nhà thờ Đức Ký	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
31		Nhà thờ Đức Ký	Giáp địa phận xã Đan Thượng (xã Đại Phạm cũ)	1.500	800	600	600	300	200	500	200	100
32		Tiếp giáp QL 70 (Nhà ông Kiên Vy)	Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc (xã Phú Lâm cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
33	Đường trục xã	Tiếp giáp QL 70 (Nhà bà Vệ)	Nối TL 319B (khu 7)	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
34		TL 319B (nhà ông Hoàn)	Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
35		Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc (ĐH 53 cũ)	Ngã ba Phúc lai cũ (Nhà ông Định)	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
36		Ngã ba Phúc Lai cũ (Nhà ông Định)	Lối rẽ vào Trường mầm non Phúc Lai	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
37		Lối rẽ vào Trường mầm non Phúc Lai	Nối với QL 70B	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
38	Đường liên khu	Đường bê tông rộng từ > 3 m đến 5 m		1.650	1.000	660	660	360	260	500	280	200
39		Đường bê tông rộng từ 2,5 m đến 3 m		1.600	830	640	640	350	260	480	250	190
40		Đường liên khu còn lại		1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
41	Đường ngõ xóm			1.200			500			400		
*	**Khu dân cư, khu đấu giá**											
42	Khu đấu giá tại khu Trước Làng, xã Minh Lương cũ			4.000			1.600			1.200		
43	Khu đấu giá tại khu 10, xã Bằng Luân			4.000			1.600			1.200		
44	Khu đấu giá Cầu Kè, Khu 3 Phúc Lai cũ			3.500			1.400			1.100		
45	Khu TĐC Cầu Kè, Khu 3 Phúc Lai cũ			1.800			700			500		
46	Khu đấu giá Đầm Hứa Khu 1 Bằng Doãn cũ			3.500			1.400			1.100		
47	Khu đấu giá tại khu 2 Phúc Lai cũ			3.000			1.200			900		
48	Khu đấu giá tại khu 9 xã Bằng Luân			3.000			1.200			900		
49	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			200			150		